TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-PT
Ngày 11 – 8 – 2023
V/v *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Bùi Quang Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2239/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Thu H, sinh năm 1986; (có mặt).

ĐKTT: Số E, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Số C đường B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1984; (có mặt).

Nơi cư trú: Số E, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Lâm Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn chị Lâm Thị Thu H *trình bày:*

Chị và anh Trần Văn T có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân,

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 27/4/2015. Vợ chồng có 02 con chung là Trần Lâm Phú H1, sinh ngày 14/8/2016 và Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 17/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn do không hòa thuận, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tính tình không hợp nhau. Trong cuộc sống hàng ngày anh T không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, hôn nhân giữa chị và anh T không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T; về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng chị không có yêu cầu.

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, hiện nay chị đang làm kế toán cho một số Công ty như Công ty B, Công ty S, Công ty L và chị có thành lập công ty riêng nên thu nhập hàng tháng khoảng 120.000.000đồng/tháng đủ điều kiện nuôi 02 con, không yêu cầu anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T *trình bày:*

Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn và con chung là đúng như chị Lâm Thị Thu H trình bày. Mâu thuẫn giữa anh và chị H chưa đến mức trầm trọng để ly hôn.Anh không đồng ý ly hôn với chị Lâm Thị Thu H do anh còn thương vợ và con, anh sẽ bỏ qua các lỗi lầm của chị H để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lo cho con. Nếu có căn cứ Tòa án cho ly hôn về con chung anh không đồng ý để con cho chị H nuôi, vì hiện nay 02 con đang sinh sống ổn định với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị Lâm Thị Thu H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị* Lâm Thị Thu H *về việc yêu cầu ly hôn.*

Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Thu H2 *ly hôn với anh* Trần Văn T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị Lâm Thị Thu H *và anh* Trần Văn T *không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.*

***2**. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị* Lâm Thị Thu H *về việc yêu cầu nuôi 02 con chung.*

Về con chung: Anh Trần Văn T *được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu* Trần Lâm Phú H1*, sinh ngày 14/8/2016 và* Trần Thị Mỹ A*, sinh ngày 17/12/2018. Chị* Lâm Thị Thu H *không phải cấp dưỡng nuôi con do anh* T *không có yêu cầu.*

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

***3.** Về tài sản chung: Chị* Lâm Thị Thu H *và anh* Trần Văn T1 *bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.*

***4.** Về nợ chung: Chị* Lâm Thị Thu H *và anh* Trần Văn T1 *bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/5/2023, nguyên đơn chị Lâm Thị Thu H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phầnBản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2023/HN-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (về phần con chung). Chị H yêu cầu giao cho chị được toàn quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Trần Lâm Phú H1 và Trần Thị Mỹ A, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chịLâm Thị Thu Hương giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn anh Trần văn T2 không đồng ý kháng cáo của chị H; anh T2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2023/HN-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã tuyên về phần con chung là có căn cứ; kháng cáo của chị H là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Lâm Thị Thu H; giữ nguyên Bản ánsơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn

chịLâm Thị Thu Hương và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Chị Lâm Thị Thu H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Chị Lâm Thị Thu H3 anh Trần Văn T3 nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/4/2015, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luậtbảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính tình không hợp nhau; anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T2. Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh T2 cho rằng còn thương chị H nên không đồng ý ly hôn nhưng anh T2 không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng; chị H không đồng ý hàn gắn và cương quyết ly hôn. Nhận thấy, giữa hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Lâm Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T là có căn cứ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn và đều trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Những nội dung này các đượng sự không có kháng cáo, Viện Kiểm sát không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm theo quy định tại Điều 282 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Chị H chỉ kháng cáo về phần nuôi con chung.

[2] Xét kháng cáo của chị Lâm Thị Thu H, nhận thấy:

[2.1] Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng02 con chung là cháuTrần Lâm Phú H1, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 17/12/2018.

[2.2] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm, chị H cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện chị có công việc, chỗ ở và thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 120.000.000đồng/tháng đủ điều kiện nuôi 02 con chung. Trong khi đó, anh T cho rằng thu nhập háng tháng của anh chỉ khoảng 15.000.000 đồng. Xét thấy, các con chung của chị H và anh T hiện nay còn nhỏ, nhất là cháu Mỹ A chỉ hơn 04 tuổi, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; cháu Mỹ A hiện đang sinh sống tại nhà chị H ở Thành phố Hồ Chí Minh; còn cháu Phú H1 có gửi thư tay do cháu viết có nội dung muốn sống chung với mẹ cháu; chị H cũng lo được việc chuyển trường cho các con (có xác nhận của Trường T5, Phường B, Quận

B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 12/7/2023 về việc đồng ý tiếp nhận học sinh làcháu Trần Lâm Phú H1 vào học tại trường và Giấy xác nhận ngày 24/7/2023 của Trường Mầm non B1 , Quận B, Thành phố H việc cháu Trần Thị Mỹ A đang học tại lớp: Chồi 2, TrườngMầm non B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngoài ra, anh T thừa nhận khi anh lên Thành phố Hồ Chí Minh thăm cháu Mỹ A thì thấy sức khỏe cháu A cũng bình thường. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cho rằng anh chỉ có nguyện vọng tiếp tục nuôi 02 con khoảng 01-02 năm nữa thì anh mới yên tâm giao 02 con cho chị H nuôi dưỡng; chị H cho rằng chị có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con cũng như đảm bảo trực tiếp nuôi các con vì chị làm việc tại nhà. Điều đó cho thấy, việc chị H kháng cáo yêu cầu anh T giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, vẫn đảm bảoquyền lợi cho cháu H1 và cháu A được sinh sống ổn định, học tập bình thường và phát triển tốt nhất cả vật chất lẫn tinh thần của các con sau này, do đó kháng cáo của chị H là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là khôngphù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Lâm Thị Thu H. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số17/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lâm Thị Thu H đối với anh Trần Văn T;Sửa về phần nuôi con chung như sau: Chị Lâm Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháuTrần Lâm Phú H1, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 17/12/2018. Buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Chị Lâm Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi connên ghi nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận toàn bộ nên chị Lâm Thị Thu H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn chị Lâm Thị Thu H.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 17/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (về con chung).

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Lâm Thị Thu H đối với anh Trần Văn T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Thu H2 ly hôn với anh Trần Văn T.

1.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Chị Lâm Thị Thu H và anh Trần Văn T4 có yêu cầu nên không xem xét.

1.3. Về con chung: Chị Lâm Thị Thu H2 quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Lâm Phú H1, sinh ngày 14/8/2016 và cháu Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 17/12/2018. Buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ giao 02 chung làcháu Trần Lâm Phú H1 và cháu Trần Thị Mỹ A cho chị Lâm Thị Thu H nuôi dưỡng.Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

1.4. Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Thu H và anh Trần Văn T1 bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.5. Về nợ chung: Chị Lâm Thị Thu H và anh Trần Văn T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000840 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: Chị Lâm Thị Thu H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. H4 lại cho chị H số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005750 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt